

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HƯNG  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 02-8-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Minh.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11a/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Là nguyên đơn.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Trần Văn P, sinh năm: 1976; Địa chỉ: A, N, phường A, thành phố T, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 09/9/2022).

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị S, sinh năm: 1943; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

3. **Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Võ Văn S1:**

- Ông Võ Văn G (Tên thường gọi Võ Văn G1), sinh năm: 1977; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Võ Thị L, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Ông Võ Văn Đ, sinh năm: 1967; Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Ông Võ Văn P1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Võ Thị Đ1, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Ông Võ Văn P2, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Võ Thị B, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

4. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Văn G2, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông P1, ông G2 có mặt, bà S, bà L, ông Đ, ông Võ Văn P1, bà Đ1, ông P2 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông G vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:

Ngày 13/3/2003 (nhằm ngày 11/02/2003 âm), bà T có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị S phần đất diện tích 4.005m<sup>2</sup>, bao gồm: thửa số 1043, diện tích 3.305m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6 và một phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An với giá là 35 chỉ vàng 24kara. Bà S đã nhận đủ vàng và giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T sử dụng từ năm 2003 cho đến nay.

Ngày 13/7/2009, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.163,4m<sup>2</sup>, thửa đất số 1980, tờ bản đồ số 7, còn thửa số 1043, diện tích 3.305m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6 chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Năm 2011, vợ chồng bà tiến hành xây dựng nhà cấp 4 (bê tông, cốt thép, vách tường, mái ngói) diện tích 199,25m<sup>2</sup> để ở.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S1 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Nay bà T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với bà S được lập ngày 13/3/2003 đối với phần đất lúa diện tích 2.842,3m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế), thửa số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An; Yêu cầu bà S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S1 phải liên đới chuyển nhượng cho bà phần đất trên; bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và tiền án phí.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị S xin xét xử vắng mặt nhưng trong biên bản ghi lời khai bà S trình bày:

Bà có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà T phần đất diện tích hơn 3.000m<sup>2</sup>, khi thỏa thuận chuyển nhượng đất không có đo đạc thực tế, bà đã giao đất cho bà T và nhận đủ vàng. Nay diện tích đất dư hơn 3.000m<sup>2</sup> thì bà yêu cầu bà T phải trả lại đất cho bà hoặc trả tiền cho bà theo giá thị trường.

Khi nào bà T trả lại phần đất thừa thì bà đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.305m<sup>2</sup> thửa 1043, tờ bản đồ số 06 đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An cho bà T.

Bà Võ Thị L, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn P1, bà Võ Thị Đ1, bà Võ Thị B xin xét xử vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Việc khởi kiện giữa bà T với bà S các ông, bà không có ý kiến và thống nhất giao toàn quyền quyết định lại cho ông Võ Văn G (Giây), vì phần đất này bà S và các ông, bà đều thống nhất giao cho ông G.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn G vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Gia đình ông đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.305m<sup>2</sup>, thửa 1043, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An cho bà Nguyễn Thị T. Ông yêu cầu bà T và ông Phạm Văn G2 phải liên đới trả lại cho ông



quyền sử dụng đất diện tích 1.163,4 m<sup>2</sup> thửa 1980, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An. Đồng thời, ông G yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 160190 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên ngày 07/4/2020 đối với diện tích 1.163,4 m<sup>2</sup> thửa 1980, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn G2 trình bày: Ông G2 thống nhất theo yêu cầu của bà T, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:*

Bà T yêu cầu bà Trần Thị S, bà Võ Thị L, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị Đ1, ông Võ Văn P2, ông Võ Văn P1, ông Võ Văn G và bà Võ Thị B phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.305m<sup>2</sup> thửa 1043, tờ bản đồ số 06 đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/02/2003 âm lịch, bà S, ông G1, bà B chuyển nhượng cho bà T thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 06, diện tích 4.005 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã H, huyện T, với giá mua là 35 chỉ vàng 24 kara, bà T đã trả đủ vàng cho bà S; bà T đã đi kê khai phần đất bà S chưa được cấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T đã được cấp giấy chứng nhận số CS 160190 cấp ngày 07/4/2020. Do hợp đồng chuyển nhượng có chữ ký của bà S, ông G1, bà B, bà S thừa nhận có chuyển nhượng phần đất trên cho bà T thể hiện bà S có chuyển nhượng cho bà T quyền sử dụng đất thửa 1043, tờ bản đồ số 06, diện tích 4.005 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã H, huyện T. Bà S cho rằng chỉ chuyển nhượng cho bà T diện tích đất khoảng hơn 3.000 m<sup>2</sup>, nhưng bà S không có căn cứ chứng minh. Tuy hợp đồng chuyển nhượng vi phạm về hình thức không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, nhưng bà T đã hoàn thành nghĩa vụ xong, trả đủ tiền cho bà S. Do đó, căn cứ vào Điều 697, 698, 699, 700, 701, 702 Bộ luật dân sự năm 2005, các Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà S, ông G1, bà B với bà T. Buộc bà S, ông G1, bà B phải liên đới chuyển nhượng cho bà T quyền sử dụng đất diện tích 3.305m<sup>2</sup> thửa 1043, tờ bản đồ số 06 đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật



Tổ tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng theo quy định tại các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà S, bà L, ông Đ, ông Võ Văn P1, bà Đ1, ông P2, bà B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

## **[2]. Về nội dung vụ án:**

[2.1] Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Ông Võ Văn G phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CV 160190 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Nguyễn Thị T đứng tên ngày 07/4/2020. Đồng thời, ông G yêu cầu bà T và ông G2 phải liên đới trả lại cho ông quyền sử dụng đất diện tích 1.163,4 m<sup>2</sup> thửa 1980, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 29/11/2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thông báo cho ông G nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nhưng ông G không nộp tiền tạm ứng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của ông G theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Bà T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với bà S được lập ngày 13/3/2003 đối với phần đất lúa tại diện tích 2.842,3m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế), thửa số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An; Bà S thừa nhận có chuyển nhượng cho bà T phần đất trên; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S1 không có tranh chấp đối với thửa số 1043, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp G, xã H B.

## **[3]. Hội đồng xét xử nhận định:**

[3.1] Khi thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An thì các đương sự chỉ làm giấy tay, không có công chứng hoặc chứng thực là vi phạm về mặt hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, xét về mặt thực tế thì bà T đã trả đủ tiền (vàng) cho bà S và bà S đã giao phần đất trên cho bà T sử dụng từ năm 2003 cho đến nay. Đồng thời, bà T đã xây nhà cấp 4 (bê tông, cốt thép, vách tường, mái ngói) diện tích 199,25m<sup>2</sup> để ở từ năm 2011.

[3.2] Thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An được Ủy ban nhân dân huyện T cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn S1. Bà S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S1 thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T và không có tranh chấp đối với phần đất này.

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của bà T, về sự thừa nhận có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mua bán) của các đương sự đối với thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T thì việc chuyển nhượng đất này không bị coi là vô hiệu về hình thức theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015, các bên đã hoàn thành về phần nội dung.

[3.3] Giấy tay sang đất nền giữa bà T với bà S, ông G1, bà B thể hiện diện tích thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng giữa các bên là 4.005m<sup>2</sup>, có họa đồ vị trí



thừa đất và tứ cận. Trong quá trình sử dụng đất, bà T đã làm thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 1.163,4m<sup>2</sup>, thửa số 1980, tờ bản đồ số 7, tại ấp G, xã H, huyện T, còn lại phần đất diện tích 3.305m<sup>2</sup> thửa 1043, tờ bản đồ số 06 đất tọa lạc tại xã H, huyện T chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, căn cứ vào “giấy tay sang đất nền” và hiện trạng sử dụng đất của bà T thì phần đất bà S, ông G1 và bà B chuyển nhượng cho bà T bao gồm thửa số 1980, tờ bản đồ số 7 và thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với bà S, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S1 đối với thửa đất số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), diện tích 2.842,3m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T.

[3.4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Về chi phí tố tụng (thẩm định tại chỗ, đo đạc đất và thẩm định giá): tổng chi phí là 17.713.000 đồng, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.6] Về án phí:

Bà T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Võ Văn G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông G.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 122, 124, 170, 234, 688, 689, 697, 698, 699, 700, 701, 702 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, 167, 168, 169 của Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Trần Thị S, ông Võ Văn G, bà Võ Thị L, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn P1, bà Võ Thị Đ1, ông Võ Văn P2, bà Võ Thị B về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T với bà Trần Thị S, ông Võ Văn G, bà Võ Thị L, ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn P1, bà Võ Thị Đ1, ông Võ Văn P2, bà Võ Thị B đối với diện tích đất đo thực tế là 2.842,3m<sup>2</sup>, thửa số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đối với diện tích đất đo thực tế là 2.842,3m<sup>2</sup>, thửa số 1043, tờ bản đồ số 6 (thửa đất mới số 934, tờ bản đồ số 7), loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai, C, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

(Vị trí tứ cận, loại đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 221-2023 ngày 21/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn G về việc tranh chấp “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đối với bà Nguyễn Thị T.

Ông Võ Văn G không có quyền khởi kiện lại vụ án, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ tranh chấp.

3. Về chi phí tố tụng: Bà T phải chịu tổng chi phí thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá là 17.713.000 đồng, bà T đã nộp xong.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003335 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Văn G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông G 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001398 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; (Đã ký)
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Dũng**